

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 12 – 2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Thanh Trí

2. Bà Trương Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2021/TL.ST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh N

Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn BN, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Thái Danh T

Địa chỉ: Ấp TT thị trấn BN, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N trình bày:

Bà và ông Thái Danh T tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hòa trong cuộc sống vợ chồng, kinh tế gia đình khó khăn. Đến nay, bà Nguyệt xác định không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân với ông T nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Thái Danh T vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông T.

Tại phiên tòa: Bà N vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh N đối với ông Thái Danh T; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ánh N và ông Thái Danh T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T, nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ánh N vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Thái Danh T vắng mặt không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà N và ông T.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà Nguyệt và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa bà N và ông T phát sinh mâu thuẫn. Bà N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Ông T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến tòa án để trình bày ý kiến cho thấy ông T không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà N. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyệt đối với ông T.

[3.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có nên không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn với ông Thái Danh T. Giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Ánh N bà ông Thái Danh T không còn giá trị kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2021.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai số 0008943 ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà N đã nộp xong án phí).

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND thị trấn BN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chúc Linh